

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>462.178.931.145</b>	<b>416.824.751.024</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>16.086.397.317</b>	<b>14.746.841.389</b>
1. Tiền	111		13.961.706.113	12.722.644.129
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.124.691.204	2.024.197.260
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>125.809.742.317</b>	<b>50.864.649.022</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	120.601.936.767	32.711.100.698
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.589.632.826	17.157.628.355
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	2.618.172.724	995.919.969
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>317.930.665.627</b>	<b>343.922.181.343</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	317.930.665.627	343.922.181.343
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.352.125.884</b>	<b>7.291.079.270</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	1.832.242.418	639.913.493
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.706.000	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	516.177.466	6.651.165.777
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>151.956.585.710</b>	<b>140.194.567.843</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	50.000.000	50.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>74.355.829.171</b>	<b>56.214.425.962</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	70.929.111.171	52.700.675.962
- Nguyên giá	222		128.533.650.459	97.460.138.833
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.604.539.288)	(44.759.462.871)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	3.426.718.000	3.513.750.000
- Nguyên giá	228		3.482.968.000	3.525.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(56.250.000)	(11.250.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>201.925.091</b>	<b>201.925.091</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	201.925.091	201.925.091
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>77.348.831.448</b>	<b>83.728.216.790</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	77.348.831.448	83.728.216.790
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>614.135.516.855</b>	<b>557.019.318.867</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>310.920.268.916</b>	<b>258.109.553.437</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>310.920.268.916</b>	<b>258.109.553.437</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	121.986.948.961	133.329.077.448
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	1.547.026.732	2.136.921
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	8.701.583.905	7.680.024.527
4. Phải trả người lao động	314	V.13	58.794.495.235	22.444.238.328
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	7.908.692.918	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	5.648.956.414	2.527.675.654
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	83.502.381.638	77.695.690.726
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	22.830.183.113	14.430.709.833
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**


Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>303.215.247.939</b>	<b>298.909.765.430</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>303.215.247.939</b>	<b>298.909.765.430</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	230.000.000.000	230.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230.000.000.000	230.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.18	3.350.161.370	3.350.161.370
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	24.726.689.234	13.461.926.218
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	45.138.397.335	52.097.677.842
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(1.722.322.158)	52.097.677.842
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		46.860.719.493	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>614.135.516.855</b>	<b>557.019.318.867</b>

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 01 năm 2020

  
 Phạm Thị Lành  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Khoa Bảo  
 Giám đốc

  
  
 Trịnh Thị Hồng Vân  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị  
 Người đại diện theo pháp luật



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
			Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	523.048.867.663	455.485.124.157	2.140.992.581.778	1.892.328.069.919
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	296.980	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		523.048.867.663	455.484.827.177	2.140.992.581.778	1.892.328.069.919
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	449.195.313.508	395.209.423.480	1.808.582.774.392	1.623.929.259.412
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		73.853.554.155	60.275.403.697	332.409.807.386	268.398.810.507
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	39.532.806	37.148.248	340.258.173	510.938.275
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.349.197.872	1.615.597.844	9.830.604.666	4.727.826.725
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.349.197.872	1.511.185.846	9.312.221.649	3.986.755.072
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	33.191.998.006	31.623.171.662	161.353.658.559	135.276.926.941
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	17.540.003.797	7.780.959.791	59.033.299.185	36.837.310.407
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.811.887.286	19.292.822.648	102.532.503.149	92.067.684.709
12. Thu nhập khác	31		148.883.645	132.054.540	165.094.259	157.102.838
13. Chi phí khác	32		162.695.453	65.308.849	269.440.253	121.655.662
14. Lợi nhuận khác	40		(13.811.808)	66.745.691	(104.345.994)	35.447.176
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.798.075.478	19.359.568.339	102.428.157.155	92.103.131.885
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	4.391.981.963	3.371.679.468	20.075.361.002	12.715.899.111
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	245.184.578
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.406.093.515	15.987.888.871	82.352.796.153	79.142.048.196
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		16.406.093.515	15.987.888.871	82.352.796.153	79.142.048.196
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	713	695	2.527	2.909
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	713	695	2.527	2.909

Phạm Thị Lành  
Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Bảo  
Giám đốc



Khánh Hòa, ngày 20 tháng 01 năm 2020

Trần Thị Hồng Vân  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Người đại diện theo pháp luật



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		102.428.157.155	92.103.131.885
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7, 8	12.890.076.417	10.351.906.435
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(241.070.301)	(114.212.762)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	9.312.221.649	3.986.755.072
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		124.389.384.920	106.327.580.630
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(68.813.810.984)	(34.668.589.296)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		25.991.515.716	(175.025.347.882)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		39.345.089.396	68.167.220.333
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.187.056.417	4.893.630.899
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.312.221.649)	(3.986.755.072)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(20.815.899.111)	(13.565.831.474)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.17	200.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(16.027.840.364)	(4.460.479.963)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>80.143.274.341</b>	<b>(52.318.571.825)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(31.031.479.626)	(32.772.626.697)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	241.070.301	114.212.762
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(30.790.409.325)</b>	<b>(32.658.413.935)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam


## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

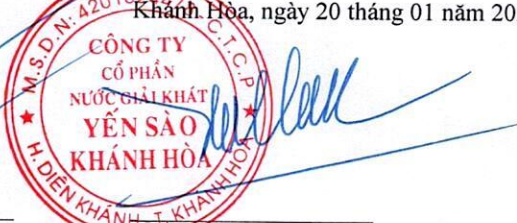
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

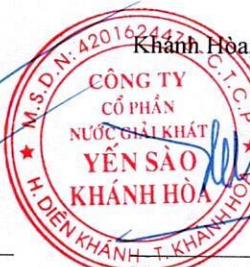
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	765.880.451.597	500.261.295.283
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(760.073.760.685)	(422.565.604.557)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18	(53.820.000.000)	(44.390.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(48.013.309.088)</b>	<b>33.305.690.726</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>1.339.555.928</b>	<b>(51.671.295.034)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>14.746.841.389</b>	<b>66.418.136.423</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>16.086.397.317</b>	<b>14.746.841.389</b>

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 01 năm 2020

  
Phạm Thị Lành  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Khoa Bảo  
Giám đốc

  
Trịnh Thị Hồng Vân  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Người đại diện theo pháp luật





# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

#### Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa.	Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến, nuôi chim yến.	100%		100%
Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa (*)	Lô NM5, NM6 đường số 1, Cụm Công nghiệp Sông Cầu, Xã Sông Cầu, Huyện Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa.	Chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến.	100%		100%
Công ty TNHH MTV Yến sào Savinest Việt Nam (*)	Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa.	Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến.	100%		100%
Công ty TNHH MTV Yến sào Savinest Khánh Hòa (*)	Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa.	Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến.	100%		100%

(\*) Các công ty này chưa phát sinh số liệu kế toán do đang trong quá trình thành lập.

##### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu kỳ này.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

---

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có 1.000 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 974 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

---

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

---

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ và chi phí vật tư.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị thương hiệu, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê mặt bằng và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### ***Lợi thế kinh doanh***

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 24 tháng.

##### ***Chi phí thuê mặt bằng***

Chi phí thuê mặt bằng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho mặt bằng đang sử dụng. Tiền thuê mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

##### ***Chi phí sửa chữa tài sản***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

#### **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của Tập đoàn bao gồm đất ở lâu dài và đất trồng cây lâu năm có thời hạn đến năm 2048. Tập đoàn không trích khấu hao đối với toàn bộ quyền sử dụng đất.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

---

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **13. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **14. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

---

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của năm sau.

#### **17. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

#### 21. Công cụ tài chính

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác,.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.631.572.690	550.175.851
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.330.133.423	12.172.468.278
Các khoản tương đương tiền	2.124.691.204	2.024.197.260
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	<u>2.124.691.204</u>	<u>2.024.197.260</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>16.086.397.317</u></b>	<b><u>14.746.841.389</u></b>

##### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><u>110.341.212.049</u></b>	<b><u>22.591.008.212</u></b>
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	49.182.903.754	9.714.736.836
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	40.171.925.214	6.600.000.000
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	1.556.167.532	357.076.120
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh	76.322.840	92.766.410



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>		
Hòa					
• Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		1.609.066.778		201.553.140	
• Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản FISHSAN		737.106.351		1.435.930.334	
• Công ty Cổ phần Du lịch thương mại Nha Trang		16.807.128.966		4.188.945.372	
• Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa		200.590.614		-	
• <b>Phải thu các khách hàng khác</b>		<b>10.260.724.718</b>		<b>10.120.092.486</b>	
• Công ty TNHH MTV Yến Sào Phú Khánh		9.765.847.096		9.765.847.096	
• Các khách hàng khác		494.877.622		354.245.390	
<b>Cộng</b>		<b><u>120.601.936.767</u></b>		<b><u>32.711.100.698</u></b>	
<b>3. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>					
		<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		<b>2.589.632.826</b>		<b>17.157.628.355</b>	
• Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Huỳnh Long					15.435.485.700
• Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Xuất khẩu Khánh Hòa		1.769.508.216			-
• Công ty TNHH Vĩnh Thành		483.450.000			-
• Các nhà cung cấp khác		336.674.610			1.722.142.655
<b>Cộng</b>		<b><u>2.589.632.826</u></b>		<b><u>17.157.628.355</u></b>	
<b>4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác</b>					
<b>4a. Phải thu ngắn hạn khác</b>					
		<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
		<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		-	-	<b>11.928.000</b>	
• Công ty TNHH MTV Nhà máy nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa		-	-	11.928.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>		<b>2.618.172.724</b>		<b>983.991.969</b>	
• Tạm ứng		1.674.831.212	-	380.169.266	-
• Bảo hiểm xã hội cấp lại		121.338	-	550.041.127	-
• Các khoản phải thu ngắn hạn khác		943.220.174	-	53.781.576	-
<b>Cộng</b>		<b><u>2.618.172.724</u></b>		<b><u>995.919.969</u></b>	
<b>4b. Phải thu dài hạn khác</b>					
• Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.					



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

#### 5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	161.183.728.342	-	201.370.943.006	-
Công cụ, dụng cụ	50.033.971.905	-	49.772.767.469	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.654.023.855	-	2.555.569.832	-
Thành phẩm	91.467.590.544	-	58.147.415.309	-
Hàng hóa	4.047.515.258	-	7.452.475.238	-
Hàng gửi đi bán	5.543.835.723	-	24.623.010.489	-
<b>Cộng</b>	<b>317.930.665.627</b>	<b>-</b>	<b>343.922.181.343</b>	<b>-</b>

#### 6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

##### 6a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng	1.627.667.876	514.545.468
Chi phí công cụ dụng cụ	66.909.087	125.368.025
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	137.665.455	-
<b>Cộng</b>	<b>1.832.242.418</b>	<b>639.913.493</b>

##### 6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi thế kinh doanh	63.268.770.056	72.760.385.789
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.423.698.526	3.056.661.108
Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng	6.678.729.187	2.680.791.017
Chi phí sửa chữa tài sản	3.955.177.566	4.632.958.341
Các chi phí trả trước dài hạn khác	22.456.113	597.420.535
<b>Cộng</b>	<b>77.348.831.448</b>	<b>83.728.216.790</b>

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	16.115.659.610	66.414.436.906	14.432.060.241	497.982.076	-	97.460.138.833
Mua trong kỳ	1.455.761.718	28.820.518.090	450.000.000	153.031.818	194.200.000	31.073.511.626
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>17.571.421.328</b>	<b>95.234.954.996</b>	<b>14.882.060.241</b>	<b>651.013.894</b>	<b>194.200.000</b>	<b>128.533.650.459</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	795.425.410	9.933.381.571	4.995.764.735	220.202.076	-	15.944.773.792
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	8.654.899.722	25.867.625.787	9.980.639.472	256.297.890	-	44.759.462.871
Khấu hao trong kỳ	1.207.334.039	10.014.804.366	1.557.234.709	52.493.303	13.210.000	12.845.076.417
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>9.862.233.761</b>	<b>35.882.430.153</b>	<b>11.537.874.181</b>	<b>308.791.193</b>	<b>13.210.000</b>	<b>57.604.539.288</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	7.460.759.888	40.546.811.119	4.451.420.709	241.864.186	-	52.700.675.962
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.709.187.567</b>	<b>59.352.524.843</b>	<b>3.344.186.060</b>	<b>342.222.701</b>	<b>180.990.000</b>	<b>70.929.111.171</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	3.300.000.000	225.000.000	3.525.000.000
Giảm do bị thu hồi một phần diện tích	(42.032.000)	-	(42.032.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.257.968.000</b>	<b>225.000.000</b>	<b>3.482.968.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	11.250.000	11.250.000
Khấu hao trong kỳ	-	45.000.000	45.000.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>56.250.000</b>	<b>56.250.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	3.300.000.000	213.750.000	3.513.750.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.257.968.000</b>	<b>168.750.000</b>	<b>3.426.718.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển chi phí trả trước phân bổ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	201.925.091	1.302.368.238	(1.302.368.238)	201.925.091
- Công trình Nhà Máy tại cụm công nghiệp Sông Cầu	201.925.091	-	-	201.925.091
- Chi phí cải tạo mặt bằng 18 Thái Nguyên Nha Trang	-	169.709.090	(169.709.090)	-
- Lắp đường ống nước tinh cho các bồn rửa sợi	-	17.305.000	(17.305.000)	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển chi phí trả trước phân bổ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Sửa chữa nhà xưởng	-	579.499.091	(579.499.091)	-
- Sửa chữa hội trường Casanco	-	156.219.091	(156.219.091)	-
- Sửa chữa tàu biển KH0397	-	90.632.300	(90.632.300)	-
- Công trình khác	-	289.003.666	(289.003.666)	-
<b>Cộng</b>	<b>201.925.091</b>	<b>1.302.368.238</b>	<b>(1.302.368.238)</b>	<b>201.925.091</b>

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>5.299.559.998</b>	<b>4.985.464.550</b>
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	-	1.130.335.025
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Tuyến Bắc Nam	4.219.847.771	2.924.994.119
Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Sanna Khánh Hòa	905.195.227	487.800.406
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	38.400.000	-
Nhà máy thực phẩm Cao cấp Yến Sào Khánh Hoà - Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa	136.117.000	-
Công Ty TNHH Nhà Nước Một Thành Viên Yến sào Khánh Hòa	-	-
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	-	442.335.000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>116.687.388.963</b>	<b>128.343.612.898</b>
Công ty Liên Doanh TNHH Crown Sài Gòn	11.483.852.372	34.803.937.682
Hanil Can Co., Ltd	4.896.582.457	9.605.371.720
Các nhà cung cấp khác	100.306.954.134	83.934.303.496
<b>Cộng</b>	<b>121.986.948.961</b>	<b>133.329.077.448</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>1.547.026.732</b>	<b>2.136.921</b>
Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Quang	1.220.940.951	-
Các khách hàng khác	326.085.781	2.136.921
<b>Cộng</b>	<b>1.547.026.732</b>	<b>2.136.921</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

#### 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.122.925.253	-	4.365.205.416	6.443.254.392
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.574.281.002	-	3.314.819.111	-
Thuế thu nhập cá nhân <sup>(i)</sup>	-	516.177.466	-	207.911.385
Thuế tài nguyên	4.377.650	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.701.583.905</b>	<b>516.177.466</b>	<b>7.680.024.527</b>	<b>6.651.165.777</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất như sau:

- Công ty Cổ phần Nước Giải khát Yến sào Khánh Hòa phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
- Công ty con là Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa được miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo quy định tại khoản 4 điều 19 và khoản 3 điều 20 thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Năm 2018 là năm đầu tiên Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa được miễn thuế TNDN phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Thuế tài nguyên*

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước sạch, giá tính thuế là 4.000 VND/m<sup>3</sup>, thuế suất 5%.

#### *Các loại thuế khác*

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

#### 13. Phải trả người lao động

Số cuối kỳ là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

#### 14. Chi phí phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>7.908.692.918</b>	-
Chi phí quảng bá thương hiệu	1.186.181.818	-
Trích trước chi phí vận chuyển	600.000.000	-
Chi phí thưởng cho nhà phân phối	4.100.000.000	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.022.511.100	-
<b>Cộng</b>	<b>7.908.692.918</b>	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

#### 15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	<i>153.747.356</i>
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	-	9.096.500
Thù lao HĐQT và BKS	-	144.650.856
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5.648.956.414</i>	<i>2.373.928.298</i>
Kinh phí công đoàn	2.399.146.656	1.419.336.594
Bảo hiểm xã hội	39.461.286	-
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	2.481.236.100	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	729.112.372	954.591.704
<b>Cộng</b>	<b><u>5.648.956.414</u></b>	<b><u>2.527.675.654</u></b>

#### 16. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<i>83.502.381.638</i>	<i>77.695.690.726</i>
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa <sup>(i)</sup>	26.370.121.864	33.345.428.980
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang <sup>(ii)</sup>	25.515.137.735	25.726.742.046
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa <sup>(iii)</sup>	6.996.470.276	18.623.519.700
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa <sup>(iv)</sup>	24.620.651.763	-
<b>Cộng</b>	<b><u>83.502.381.638</u></b>	<b><u>77.695.690.726</u></b>

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động theo hợp đồng cấp tín dụng số 26399.18.800.3625784.TD ngày 01 tháng 07 năm 2019. Hạn mức cho vay là 80 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức tối đa đến ngày 20/04/2020, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, kỳ hạn trả lãi vào ngày 20 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động theo hợp đồng cho vay 2019/HM-YSKH ngày 27/5/2019. Hạn mức cho vay là 60 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 27 tháng 05 năm 2019 đến 27 tháng 05 năm 2020, thời hạn cho vay tối đa 6 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này được bảo lãnh vay vốn bởi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2019/HMTD-YSKH ngày 17 tháng 5 năm 2019. Hạn mức cho vay là 90 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 17 tháng 5 năm 2019 đến 17 tháng 5 năm 2020, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này được bảo lãnh vay vốn bởi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hoà để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 32/2019-HĐCVHM/NHCT580-KHDNL-YENSAO. Hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 01 tháng 06 năm 2019 đến 31 tháng 05 năm 2020, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 5 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này được bảo lãnh vay vốn bởi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa.

Phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>
	<b>Số tiền (VND)</b>
Số đầu năm	77.695.690.726
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	765.880.451.597
Số tiền vay đã trả	(760.073.760.685)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>83.502.381.638</b>

### 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<b>Quỹ</b>		<b>Quỹ thưởng</b>	
	<b>khen thưởng</b>	<b>Quỹ phúc lợi</b>	<b>ban điều hành</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số đầu năm</b>	13.952.728.478	-	477.981.355	14.430.709.833
Thu tiền thưởng của liên đoàn bóng đá	200.000.000			200.000.000
Tăng do trích lập từ lợi nhuận năm nay	21.406.341.135	2.285.366.501	535.606.007	24.227.313.643
Chi quỹ trong năm	(15.666.925.800)	(360.914.563)	-	(16.027.840.363)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>19.892.143.813</b>	<b>1.924.451.938</b>	<b>1.013.587.362</b>	<b>22.830.183.113</b>

### 18. Vốn chủ sở hữu

#### 18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<b>Vốn góp</b>	<b>Thặng dư</b>	<b>Quỹ đầu tư</b>	<b>Lợi nhuận</b>	
	<b>của chủ sở hữu</b>	<b>vốn cổ phần</b>	<b>phát triển</b>	<b>sau thuế</b>	<b>Cộng</b>
				<b>chưa phân phối</b>	
Số dư đầu năm trước	230.000.000.000	3.350.161.370	1.713.527.168	47.543.792.995	282.607.481.533
Trích quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	(644.816.617)	(644.816.617)
Điều chỉnh trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	612.506.688	612.506.688
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	(44.390.000.000)	(44.390.000.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	79.142.048.196	79.142.048.196
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2018	-	-	11.748.399.050	(11.748.399.050)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018	-	-	-	(17.925.655.061)	(17.925.655.061)
Tạm trích quỹ thưởng ban điều hành từ lợi	-	-	-	(491.799.309)	(491.799.309)



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
nhuận năm 2018					
Số dư cuối kỳ trước	<u>230.000.000.000</u>	<u>3.350.161.370</u>	<u>13.461.926.218</u>	<u>52.097.677.842</u>	<u>298.909.765.430</u>
Số dư đầu năm nay	230.000.000.000	3.350.161.370	13.461.926.218	52.097.677.842	298.909.765.430
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(53.820.000.000)	(53.820.000.000)
Lợi nhuận trong Năm nay	-	-	-	82.352.796.153	82.352.796.153
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm nay	-	-	11.264.763.016	(11.264.763.016)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm nay	-	-	-	(23.691.707.637)	(23.691.707.637)
Tạm trích quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm nay	-	-	-	(535.606.007)	(535.606.007)
Số dư cuối kỳ này	<u>230.000.000.000</u>	<u>3.350.161.370</u>	<u>24.726.689.234</u>	<u>45.138.397.335</u>	<u>303.215.247.939</u>

#### 18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa	117.300.000.000	117.300.000.000
Công ty Cổ phần Du Lịch Thương Mại Nha Trang	47.110.000.000	47.110.000.000
Các cổ đông khác	65.590.000.000	65.590.000.000
<b>Cộng</b>	<u>230.000.000.000</u>	<u>230.000.000.000</u>

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 Công ty đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp..

#### 18c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.000.000	23.000.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Tập đoàn đã phân phối lợi nhuận năm như sau:

	Số tiền (VND)
• Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	: 53.820.000.000
• Tạm trích quỹ khen thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm nay	: 535.606.007
• Tạm trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm nay	: 11.264.763.016
• Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm nay	: 23.691.707.637



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 1a. Tổng doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm trong kỳ

##### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản FISHSAN	7.295.703.910	5.603.957.622
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	3.273.773.200	2.934.638.373
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	11.202.408.309	9.127.448.294
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	9.476.510.865	9.097.864.206
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa	1.101.518.000.281	987.408.356.498
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	499.216.916.656	610.770.297.113
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	43.107.992.707	36.469.526.782

#### 2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm trong kỳ

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Quý 4/2019	Quý 4/2018	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	39.532.806	37.148.248	241.070.301	114.212.762
Lãi tiền cho vay	-	-	-	396.725.513
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	99.187.872	-
<b>Cộng</b>	<b>39.532.806</b>	<b>37.148.248</b>	<b>340.258.173</b>	<b>510.938.275</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Quý 4/2019	Quý 4/2018	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.349.197.872	1.511.185.846	9.312.221.649	3.986.755.072
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	104.411.998	518.383.017	741.071.653
<b>Cộng</b>	<b>2.349.197.872</b>	<b>1.615.697.844</b>	<b>9.830.604.666</b>	<b>4.727.826.725</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

#### 5. Chi phí bán hàng

	Quý 4/2019	Quý 4/2018	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	12.270.233.972	2.157.785.949	27.688.423.652	15.904.257.282
Chi phí vật liệu, bao bì	85.772.286	72.238.318	281.141.571	219.807.367
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	667.281.633	243.622.649	1.987.599.496	683.547.533
Chi phí khấu hao tài sản cố định	321.966.157	363.407.842	1.240.323.039	1.247.588.121
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.101.363.354	12.157.574.257	75.582.960.986	58.931.679.743
Các chi phí khác	3.745.380.604	16.628.542.647	54.573.209.815	58.290.046.895
<b>Cộng</b>	<b>33.191.998.006</b>	<b>31.623.171.662</b>	<b>161.353.658.559</b>	<b>135.276.926.941</b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4/2019	Quý 4/2018	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.819.142.259	3.525.361.149	41.063.094.167	21.383.710.625
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng	1.708.097.494	295.197.895	2.831.056.137	852.968.868
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116.715.784	135.100.123	571.842.759	463.890.090
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	6.073.865	135.250.705	105.061.681
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.150.563.015	3.130.758.158	11.651.181.297	10.301.043.030
Các chi phí khác	1.739.485.245	688.468.601	2.780.874.120	3.730.636.113
<b>Cộng</b>	<b>17.540.003.797</b>	<b>7.780.959.791</b>	<b>59.033.299.185</b>	<b>36.837.310.407</b>

#### 7. Lãi trên cổ phiếu

##### 7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Quý 4/2019	Quý 4/2018	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	16.406.093.515	15.987.888.871	82.352.796.153	79.142.048.196
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(23.691.707.637)	(11.748.399.050)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	-	-	(535.606.007)	(491.799.309)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.406.093.515	15.987.888.871	58.125.482.509	66.901.849.837
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>713</b>	<b>695</b>	<b>2.527</b>	<b>2.909</b>

##### 7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt thực hiện theo quy định của Tập đoàn.

##### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa	Công ty mẹ, sở hữu 51% vốn điều lệ
Nhà máy chế biến nguyên liệu yến sào - Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa	Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	Cổ đông, sở hữu 20,48% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 51,06% vốn điều lệ.
Công ty TNHH Một thành viên Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ.
Công ty TNHH Một thành viên Nuôi trồng thủy sản FISHSAN	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ.
Công ty TNHH Một thành viên Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ.
Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Sanna Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Một thành viên Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ.
Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Sanest Tourist	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ.
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tuyến Bắc Nam	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ.

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b><i>Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa</i></b>		
Thanh toán cổ tức lợi nhuận năm 2015, 2016	-	37.518.826.784
Thanh toán cổ tức lợi nhuận năm 2017, 2018	50.087.100.000	-
Chiết khấu bán hàng	8.615.680.094	-
Nhận bàn giao tài sản	-	18.537.520.370
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	-	296.938.263
Kết chuyển chi phí cổ phần hóa, lợi nhuận về công ty mẹ	-	47.000.000
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	1.309.090.908	770.541.272
<b><i>Nhà máy chế biến nguyên liệu yến sào - Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa</i></b>		
Phải trả tiền mua nguyên liệu, hàng hóa	14.789.486.179	10.033.723.442
Phải trả chi phí gia công	45.485.370.000	41.992.258.000
<b><i>Nhà máy thực phẩm Cao cấp Yến Sào Khánh Hòa - Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa</i></b>		
Công ty mua hàng hóa	13.763.581.891	-
<b><i>Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa</i></b>		
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	35.533.043.710	175.960.330.061
<b><i>Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa</i></b>		
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	2.430.008.755	2.667.436.565



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Sanest Tourist</b>		
Phải trả chi phí vận chuyển, du lịch	2.235.336.365	944.411.955
<b>Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang</b>		
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ	1.980.972.831	2.511.324.545
<b>Công ty TNHH Một thành viên Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa</b>		
Phải trả chi phí sử dụng dịch vụ	55.287.842	23.589.091
<b>Trung tâm kỹ thuật công nghệ nuôi chim yến Sanatech</b>		
Nhập loa trong nhà	10.319.091	-
<b>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam</b>		
Công ty mua nhiên liệu	14.840.767.834	12.605.716.770

Ngoài ra, Công ty mẹ là Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa còn bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty tại các tổ chức tín dụng (xem thuyết minh số V.16).

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.4a, V.10 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

## 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

### 3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Tập đoàn đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

### **3b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Toàn bộ các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	121.986.948.961	133.329.077.448
Vay	83.502.381.638	77.695.690.726
Các khoản phải trả khác	11.119.041.390	1.108.339.060
<b>Cộng</b>	<b><u>216.608.371.989</u></b>	<b><u>212.133.107.234</u></b>

Ban Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### **3c. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

#### *Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu*

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

### 3d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

## 4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

### *Tài sản tài chính*

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.086.397.317	-	14.746.841.389	-
Phải thu khách hàng	120.601.936.767	-	32.711.100.698	-
Các khoản phải thu khác	943.220.174	-	103.781.576	-
<b>Cộng</b>	<b>137.631.554.258</b>	<b>-</b>	<b>47.561.723.663</b>	<b>-</b>

### *Nợ phải trả tài chính*

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	121.986.948.961	133.329.077.448
Vay	83.502.381.638	77.695.690.726
Các khoản phải trả khác	11.119.041.390	1.108.339.060
<b>Cộng</b>	<b>216.608.371.989</b>	<b>212.133.107.234</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

#### 5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 01 năm 2020



**Phạm Thị Lành**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Khoa Bảo**  
Giám đốc



**Trịnh Thị Hồng Vân**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Người đại diện theo pháp luật